ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ AN THÀNH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 255 /TB-UBND	*An Thành, ngày 23 tháng 10 năm 2026*

THÔNG BÁO

Về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ

Căn cứ Quyết định số 4972/SKHCN-VP ngày 15/10/2026 của Ủy ban nhân dân phố Hải Phòng về việc công khai Quyết định số 4279/QĐUBND ngày 09/10/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện trong Khu thương mại tự do thành phố Hải Phòng.

Danh mục và nội dung thủ tục hành chính trên được đăng tải công khai trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của xã An Thành tại địa chỉ https://anthanh.haiphong.gov.vn và niêm yết công khai tại Trung tâm phục vụ Hành chính công xã.

UBND xã An Thành thông báo để các cơ quan, đơn vị, các tổ chức, cá nhân có liên quan được biết và thực hiện./.

Nơi nhận:
- UBND thành phố;
- Trung tâm PVHCC xã;
- TT Đảng ủy, TT HĐND xã (để báo cáo);
- Lãnh đạo UBND xã;
- Lưu: VT, VHXH.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ AN THÀNH TP HẢI PHÒNG

Nguyễn Đức Thắng

Phụ lục I

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CÁC CƠ QUAN TRỰC THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỰC HIỆN TRONG KHU THƯƠNG MẠI TỰ DO THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

(Kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày /10/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã)

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (sau cắt giảm)	Địa điểm thực hiện	Căn cứ pháp lý	Ghi chú (tỷ lệ % cắt giảm thời gian giải quyết TTHC)
I	**LĨNH VỰC AN TOÀN BỨC XẠ VÀ HẠT NHÂN**					
	1.014674	Khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán y tế, thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), SPECT (SPECT/CT), sử dụng thiết bị phát tia X (trừ thiết bị chụp ảnh	2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được phiếu khai báo	Trung tâm	- Luật Năng lượng nguyên tử số 94/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025. - Nghị định số 332/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Năng lượng nguyên tử về bảo đảm an toàn bức xạ, an toàn, an ninh, thanh sát hạt nhân, thông báo, khai báo, cấp phép, thanh tra, kiểm tra về an toàn bức xạ và hạt nhân, ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân và bồi thường thiệt hại hạt nhân.	50%

		phóng xạ công nghiệp).				
	1.014675	Cấp Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán y tế, thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), SPECT (SPECT/CT), sử dụng thiết bị phát tia X (trừ thiết bị chụp ảnh phóng xạ công nghiệp)	- 15 ngày làm việc đối với sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán y tế, thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), SPECT (SPECT/CT) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định. - 25 ngày làm việc đối với sử dụng thiết bị phát tia X (trừ thiết bị chụp ảnh phóng xạ công nghiệp) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	Trung tâm	- Luật Năng lượng nguyên tử số 94/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025. - Nghị định số 332/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Năng lượng nguyên tử về bảo đảm an toàn bức xạ, an toàn, an ninh, thanh sát hạt nhân, thông báo, khai báo, cấp phép, thanh tra, kiểm tra về an toàn bức xạ và hạt nhân, ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân và bồi thường thiệt hại hạt nhân. - Thông tư số 29/2026/TT-BTC ngày 27/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí để hỗ trợ việc kết nối, khai thác, sử dụng dữ liệu và khuyến khích thực hiện dịch vụ công trên ứng dụng VNeID. - Thông tư 74/2026/TT-BTC ngày 25/6/2026 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử.	

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT SỞ NỘI VỤ

	1.014679	Gia hạn Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán y tế, thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), SPECT (SPECT/CT), sử dụng thiết bị phát tia X (trừ thiết bị chụp ảnh phóng xạ công nghiệp).	- 18 ngày làm việc đối với gia hạn Giấy phép sử dụng thiết bị phát tia X (trừ thiết bị chụp ảnh phóng xạ công nghiệp) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định. - 15 ngày làm việc đối với gia hạn Giấy phép sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán y tế, thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), SPECT (SPECT/CT) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	Trung tâm	- Luật Năng lượng nguyên tử số 94/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025. - Nghị định số 332/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Năng lượng nguyên tử về bảo đảm an toàn bức xạ, an toàn, an ninh, thanh sát hạt nhân, thông báo, khai báo, cấp phép, thanh tra, kiểm tra về an toàn bức xạ và hạt nhân, ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân và bồi thường thiệt hại hạt nhân. - Thông tư số 29/2026/TT-BTC ngày 27/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí để hỗ trợ việc kết nối, khai thác, sử dụng dữ liệu và khuyến khích thực hiện dịch vụ công trên ứng dụng VNeID. - Thông tư 74/2026/TT-BTC ngày 25/6/2026 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử.	

	1.014676	Sửa đổi Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán y tế, thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), SPECT (SPECT/CT), sử dụng thiết bị phát tia X (trừ thiết bị chụp ảnh phóng xạ công nghiệp).	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	Trung tâm	- Luật Năng lượng nguyên tử số 94/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025. - Nghị định số 332/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Năng lượng nguyên tử về bảo đảm an toàn bức xạ, an toàn, an ninh, thanh sát hạt nhân, thông báo, khai báo, cấp phép, thanh tra, kiểm tra về an toàn bức xạ và hạt nhân, ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân và bồi thường thiệt hại hạt nhân. - Thông tư số 29/2026/TT-BTC ngày 27/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí để hỗ trợ việc kết nối, khai thác, sử dụng dữ liệu và khuyến khích thực hiện dịch vụ công trên ứng dụng VNeID. - Thông tư 74/2026/TT-BTC ngày 25/6/2026 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử.	50%
	1.014677	Bổ sung Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán y tế, thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT),	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	Trung tâm	- Luật Năng lượng nguyên tử số 94/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025. - Nghị định số 332/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Năng lượng nguyên tử về bảo đảm an toàn bức xạ, an toàn, an ninh, thanh sát hạt nhân, thông báo, khai báo, cấp phép, thanh tra, kiểm tra về an toàn bức xạ và hạt nhân, ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân và bồi thường thiệt hại hạt nhân.	16,7%

STT		Tên thủ tục hành chính		Địa điểm	Căn cứ pháp lý	

		SPECT (SPECT/CT), sử dụng thiết bị phát tia X (trừ thiết bị chụp ảnh phóng xạ công nghiệp).			- Thông tư số 29/2026/TT-BTC ngày 27/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí để hỗ trợ việc kết nối, khai thác, sử dụng dữ liệu và khuyến khích thực hiện dịch vụ công trên ứng dụng VNeID. - Thông tư 74/2026/TT-BTC ngày 25/6/2026 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử.	
	1.014678	Cấp Chứng chỉ nhân viên bức xạ (người phụ trách an toàn cơ sở sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán y tế, thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), SPECT (SPECT/CT), sử dụng thiết bị phát tia X (trừ thiết bị chụp ảnh phóng xạ công nghiệp).	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	Trung tâm	- Luật Năng lượng nguyên tử số 94/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025. - Nghị định số 332/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Năng lượng nguyên tử về bảo đảm an toàn bức xạ, an toàn, an ninh, thanh sát hạt nhân, thông báo, khai báo, cấp phép, thanh tra, kiểm tra về an toàn bức xạ và hạt nhân, ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân và bồi thường thiệt hại hạt nhân. - Thông tư số 29/2026/TT-BTC ngày 27/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí để hỗ trợ việc kết nối, khai thác, sử dụng dữ liệu và khuyến khích thực hiện dịch vụ công trên ứng dụng VNeID. - Thông tư 74/2026/TT-BTC ngày 25/6/2026 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử.	50%
	1.115137	Gia hạn Giấy phép tiến hành	18 ngày làm việc kể từ ngày	Trung tâm	- Luật Năng lượng nguyên tử số 94/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025.	

		công việc bức xạ sử dụng thiết bị phát tia X trong chụp ảnh phóng xạ công nghiệp, thiết bị phát nơtron, electron và hạt mang điện khác; thay đổi quy mô và phạm vi hoạt động của cơ sở bức xạ; chấm dứt hoạt động của cơ sở bức xạ.	nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.		- Nghị định số 332/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Năng lượng nguyên tử về bảo đảm an toàn bức xạ, an toàn, an ninh, thanh sát hạt nhân, thông báo, khai báo, cấp phép, thanh tra, kiểm tra về an toàn bức xạ và hạt nhân, ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân và bồi thường thiệt hại hạt nhân. - Thông tư số 29/2026/TT-BTC ngày 27/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí để hỗ trợ việc kết nối, khai thác, sử dụng dữ liệu và khuyến khích thực hiện dịch vụ công trên ứng dụng VNeID. - Thông tư 74/2026/TT-BTC ngày 25/6/2026 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử.	
	1.115138	Sửa đổi Giấy phép tiến hành công việc bức xạ- sử dụng thiết bị phát tia X trong chụp ảnh phóng xạ công nghiệp, thiết bị phát nơtron, electron và hạt mang điện khác; thay	08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	Trung tâm	- Luật Năng lượng nguyên tử số 94/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025. - Nghị định số 332/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Năng lượng nguyên tử về bảo đảm an toàn bức xạ, an toàn, an ninh, thanh sát hạt nhân, thông báo, khai báo, cấp phép, thanh tra, kiểm tra về an toàn bức xạ và hạt nhân, ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân và bồi thường thiệt hại hạt nhân. - Thông tư số 29/2026/TT-BTC ngày 27/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu,	20%

		đổi quy mô và phạm vi hoạt động của cơ sở bức xạ; chấm dứt hoạt động của cơ sở bức xạ.			miễn một số khoản phí, lệ phí để hỗ trợ việc kết nối, khai thác, sử dụng dữ liệu và khuyến khích thực hiện dịch vụ công trên ứng dụng VNeID. - Thông tư 74/2026/TT-BTC ngày 25/6/2026 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử.	
	1.115139	Bổ sung Giấy phép tiến hành công việc bức xạ- sử dụng thiết bị phát tia X trong chụp ảnh phóng xạ công nghiệp, thiết bị phát nơtron, electron và hạt mang điện khác	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	Trung tâm	- Luật Năng lượng nguyên tử số 94/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025. - Nghị định số 332/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Năng lượng nguyên tử về bảo đảm an toàn bức xạ, an toàn, an ninh, thanh sát hạt nhân, thông báo, khai báo, cấp phép, thanh tra, kiểm tra về an toàn bức xạ và hạt nhân, ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân và bồi thường thiệt hại hạt nhân. - Thông tư số 29/2026/TT-BTC ngày 27/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí để hỗ trợ việc kết nối, khai thác, sử dụng dữ liệu và khuyến khích thực hiện dịch vụ công trên ứng dụng VNeID. - Thông tư 74/2026/TT-BTC ngày 25/6/2026 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử.	16,7%
	1.115140	Gia hạn Giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ	18 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Trung tâm	- Luật Năng lượng nguyên tử số 94/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025.	

		trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử - dịch vụ Lắp đặt nguồn phóng xạ; Lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị bức xạ; Thử nghiệm thiết bị bức xạ; Tẩy xạ; Đánh giá hoạt độ phóng xạ; Hiệu chuẩn thiết bị ghi đo bức xạ	hợp lệ theo quy định.		- Nghị định số 332/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Năng lượng nguyên tử về bảo đảm an toàn bức xạ, an toàn, an ninh, thanh sát hạt nhân, thông báo, khai báo, cấp phép, thanh tra, kiểm tra về an toàn bức xạ và hạt nhân, ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân và bồi thường thiệt hại hạt nhân. - Thông tư số 29/2026/TT-BTC ngày 27/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí để hỗ trợ việc kết nối, khai thác, sử dụng dữ liệu và khuyến khích thực hiện dịch vụ công trên ứng dụng VNeID. - Thông tư 74/2026/TT-BTC ngày 25/6/2026 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử.	
	1.115141	Sửa đổi Giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử - dịch vụ Lắp đặt nguồn phóng xạ; Lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị bức xạ; Thử nghiệm	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	Trung tâm	- Luật Năng lượng nguyên tử số 94/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025. - Nghị định số 332/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Năng lượng nguyên tử về bảo đảm an toàn bức xạ, an toàn, an ninh, thanh sát hạt nhân, thông báo, khai báo, cấp phép, thanh tra, kiểm tra về an toàn bức xạ và hạt nhân, ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân và bồi thường thiệt hại hạt nhân. - Thông tư số 29/2026/TT-BTC ngày 27/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu,	

		thiết bị bức xạ; Tẩy xạ; Đánh giá hoạt độ phóng xạ; Hiệu chuẩn thiết bị ghi đo bức xạ.			miễn một số khoản phí, lệ phí để hỗ trợ việc kết nối, khai thác, sử dụng dữ liệu và khuyến khích thực hiện dịch vụ công trên ứng dụng VNeID. - Thông tư 74/2026/TT-BTC ngày 25/6/2026 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử.	
	1.014642	Cấp Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị phát tia X trong chụp ảnh phóng xạ công nghiệp, thiết bị phát nơtron, electron và hạt mang điện khác.	25 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm	- Luật Năng lượng nguyên tử số 94/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025. - Nghị định số 332/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Năng lượng nguyên tử về bảo đảm an toàn bức xạ, an toàn, an ninh, thanh sát hạt nhân, thông báo, khai báo, cấp phép, thanh tra, kiểm tra về an toàn bức xạ và hạt nhân, ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân và bồi thường thiệt hại hạt nhân. - Thông tư số 29/2026/TT-BTC ngày 27/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí để hỗ trợ việc kết nối, khai thác, sử dụng dữ liệu và khuyến khích thực hiện dịch vụ công trên ứng dụng VNeID. - Thông tư 74/2026/TT-BTC ngày 25/6/2026 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử.	
	1.014645	Cấp Giấy phép tiến hành công việc bức xạ- thay đổi quy mô	25 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm	- Luật Năng lượng nguyên tử số 94/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025. - Nghị định số 332/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Năng lượng nguyên tử	

		và phạm vi hoạt động của cơ sở bức xạ.			về bảo đảm an toàn bức xạ, an toàn, an ninh, thanh sát hạt nhân, thông báo, khai báo, cấp phép, thanh tra, kiểm tra về an toàn bức xạ và hạt nhân, ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân và bồi thường thiệt hại hạt nhân. - Thông tư số 29/2026/TT-BTC ngày 27/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí để hỗ trợ việc kết nối, khai thác, sử dụng dữ liệu và khuyến khích thực hiện dịch vụ công trên ứng dụng VNeID. - Thông tư 74/2026/TT-BTC ngày 25/6/2026 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử.	
	1.014648	Cấp Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - chấm dứt hoạt động của cơ sở bức xạ.	25 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm	- Luật Năng lượng nguyên tử số 94/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025. - Nghị định số 332/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Năng lượng nguyên tử về bảo đảm an toàn bức xạ, an toàn, an ninh, thanh sát hạt nhân, thông báo, khai báo, cấp phép, thanh tra, kiểm tra về an toàn bức xạ và hạt nhân, ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân và bồi thường thiệt hại hạt nhân. - Thông tư số 29/2026/TT-BTC ngày 27/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí để hỗ trợ việc kết nối, khai thác, sử dụng dữ liệu và khuyến khích thực hiện dịch vụ công trên ứng dụng VNeID. - Thông tư 74/2026/TT-BTC ngày 25/6/2026 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử.	
	1.014656	Cấp Chứng chỉ nhân viên bức xạ (trừ người phụ trách an	08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm	- Luật Năng lượng nguyên tử số 94/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025. - Nghị định số 332/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và biện	20%

		toàn cơ sở sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán y tế, thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), SPECT (SPECT/CT), sử dụng thiết bị phát tia X (trừ thiết bị chụp ảnh phóng xạ công nghiệp).			pháp thi hành một số điều của Luật Năng lượng nguyên tử về bảo đảm an toàn bức xạ, an toàn, an ninh, thanh sát hạt nhân, thông báo, khai báo, cấp phép, thanh tra, kiểm tra về an toàn bức xạ và hạt nhân, ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân và bồi thường thiệt hại hạt nhân. - Thông tư số 29/2026/TT-BTC ngày 27/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí để hỗ trợ việc kết nối, khai thác, sử dụng dữ liệu và khuyến khích thực hiện dịch vụ công trên ứng dụng VNeID. - Thông tư 74/2026/TT-BTC ngày 25/6/2026 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử.	
	1.014657	Khai báo nguồn phóng xạ, chất thải phóng xạ, vật liệu hạt nhân nguồn, vật liệu hạt nhân, thiết bị hạt nhân, thiết bị phát tia X trong chụp ảnh phóng xạ công nghiệp.	04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được phiếu khai báo	Trung tâm	- Luật Năng lượng nguyên tử số 94/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025. - Nghị định số 332/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Năng lượng nguyên tử về bảo đảm an toàn bức xạ, an toàn, an ninh, thanh sát hạt nhân, thông báo, khai báo, cấp phép, thanh tra, kiểm tra về an toàn bức xạ và hạt nhân, ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân và bồi thường thiệt hại hạt nhân.	20%
	1.014660	Thanh lý nguồn phóng xạ đã qua sử dụng	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm	- Luật Năng lượng nguyên tử số 94/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025. - Nghị định số 332/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Năng lượng nguyên tử về bảo đảm an toàn bức xạ, an toàn, an ninh, thanh sát hạt nhân,	

					thông báo, khai báo, cấp phép, thanh tra, kiểm tra về an toàn bức xạ và hạt nhân, ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân và bồi thường thiệt hại hạt nhân. - Thông tư số 29/2026/TT-BTC ngày 27/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí để hỗ trợ việc kết nối, khai thác, sử dụng dữ liệu và khuyến khích thực hiện dịch vụ công trên ứng dụng VNeID. - Thông tư 74/2026/TT-BTC ngày 25/6/2026 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử.	
	1.014661	Phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ cấp cơ sở.	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm	- Luật Năng lượng nguyên tử số 94/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025. - Nghị định số 332/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Năng lượng nguyên tử về bảo đảm an toàn bức xạ, an toàn, an ninh, thanh sát hạt nhân, thông báo, khai báo, cấp phép, thanh tra, kiểm tra về an toàn bức xạ và hạt nhân, ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân và bồi thường thiệt hại hạt nhân. - Thông tư số 29/2026/TT-BTC ngày 27/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí để hỗ trợ việc kết nối, khai thác, sử dụng dữ liệu và khuyến khích thực hiện dịch vụ công trên ứng dụng VNeID. - Thông tư 74/2026/TT-BTC ngày 25/6/2026 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử.	20%
	1.014662	Cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử.	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm	- Luật Năng lượng nguyên tử số 94/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025. - Nghị định số 332/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Năng lượng nguyên tử về bảo	28,6%

					đảm an toàn bức xạ, an toàn, an ninh, thanh sát hạt nhân, thông báo, khai báo, cấp phép, thanh tra, kiểm tra về an toàn bức xạ và hạt nhân, ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân và bồi thường thiệt hại hạt nhân. - Thông tư số 29/2026/TT-BTC ngày 27/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí để hỗ trợ việc kết nối, khai thác, sử dụng dữ liệu và khuyến khích thực hiện dịch vụ công trên ứng dụng VNeID. - Thông tư 74/2026/TT-BTC ngày 25/6/2026 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử.	
	1.014665	Cấp Giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử - Lắp đặt nguồn phóng xạ; Lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị bức xạ.	18 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm	- Luật Năng lượng nguyên tử số 94/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025. - Nghị định số 332/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Năng lượng nguyên tử về bảo đảm an toàn bức xạ, an toàn, an ninh, thanh sát hạt nhân, thông báo, khai báo, cấp phép, thanh tra, kiểm tra về an toàn bức xạ và hạt nhân, ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân và bồi thường thiệt hại hạt nhân. - Thông tư số 29/2026/TT-BTC ngày 27/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí để hỗ trợ việc kết nối, khai thác, sử dụng dữ liệu và khuyến khích thực hiện dịch vụ công trên ứng dụng VNeID. - Thông tư 74/2026/TT-BTC ngày 25/6/2026 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử.	

	1.014666	Cấp Giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử - Đánh giá hoạt độ phóng xạ.	16 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm	- Luật Năng lượng nguyên tử số 94/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025. - Nghị định số 332/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Năng lượng nguyên tử về bảo đảm an toàn bức xạ, an toàn, an ninh, thanh sát hạt nhân, thông báo, khai báo, cấp phép, thanh tra, kiểm tra về an toàn bức xạ và hạt nhân, ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân và bồi thường thiệt hại hạt nhân. - Thông tư số 29/2026/TT-BTC ngày 27/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí để hỗ trợ việc kết nối, khai thác, sử dụng dữ liệu và khuyến khích thực hiện dịch vụ công trên ứng dụng VNeID. - Thông tư 74/2026/TT-BTC ngày 25/6/2026 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử.	11,1%
	1.014667	Cấp Giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử - Hiệu chuẩn thiết bị ghi đo bức xạ	16 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm	- Luật Năng lượng nguyên tử số 94/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025. - Nghị định số 332/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Năng lượng nguyên tử về bảo đảm an toàn bức xạ, an toàn, an ninh, thanh sát hạt nhân, thông báo, khai báo, cấp phép, thanh tra, kiểm tra về an toàn bức xạ và hạt nhân, ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân và bồi thường thiệt hại hạt nhân.	11,1%

					- Thông tư số 29/2026/TT-BTC ngày 27/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí để hỗ trợ việc kết nối, khai thác, sử dụng dữ liệu và khuyến khích thực hiện dịch vụ công trên ứng dụng VNeID. - Thông tư 74/2026/TT-BTC ngày 25/6/2026 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử.	
	1.014671	Cấp Giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử - Tẩy xạ.	16 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm	- Luật Năng lượng nguyên tử số 94/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025. - Nghị định số 332/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Năng lượng nguyên tử về bảo đảm an toàn bức xạ, an toàn, an ninh, thanh sát hạt nhân, thông báo, khai báo, cấp phép, thanh tra, kiểm tra về an toàn bức xạ và hạt nhân, ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân và bồi thường thiệt hại hạt nhân. - Thông tư số 29/2026/TT-BTC ngày 27/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí để hỗ trợ việc kết nối, khai thác, sử dụng dữ liệu và khuyến khích thực hiện dịch vụ công trên ứng dụng VNeID. - Thông tư 74/2026/TT-BTC ngày 25/6/2026 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử.	11,1%
	1.014673	Cấp Giấy đăng ký hoạt động	16 ngày làm việc kể từ ngày	Trung tâm	- Luật Năng lượng nguyên tử số 94/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025.	11,1%

		dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử - Thử nghiệm thiết bị bức xạ.	nhận được hồ sơ hợp lệ		- Nghị định số 332/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Năng lượng nguyên tử về bảo đảm an toàn bức xạ, an toàn, an ninh, thanh sát hạt nhân, thông báo, khai báo, cấp phép, thanh tra, kiểm tra về an toàn bức xạ và hạt nhân, ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân và bồi thường thiệt hại hạt nhân. - Thông tư số 29/2026/TT-BTC ngày 27/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí để hỗ trợ việc kết nối, khai thác, sử dụng dữ liệu và khuyến khích thực hiện dịch vụ công trên ứng dụng VNeID. - Thông tư 74/2026/TT-BTC ngày 25/6/2026 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử.	
II	**LĨNH VỰC BƯU CHÍNH**					
	1.003659	Cấp giấy phép bưu chính (nội tỉnh)	08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng các quy định của pháp luật	Trung tâm	- Luật Bưu chính số 49/2010/QH12 ngày 17/06/2010; - Nghị định số 47/2011/NĐ-CP ngày 17/06/2011 của Chính phủ; - Nghị định số 25/2022/NĐ-CP ngày 12/4/2022 của Chính phủ; - Thông tư 291/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016; - Thông tư 25/2020/TT -BTC ngày 14/4/2020 của Bộ Tài chính. - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	20%
	1.003687	Sửa đổi, bổ sung giấy phép	4 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ	Trung tâm	- Luật Bưu chính số 49/2010/QH12 ngày 17/06/2010;	20%

		bưu chính (nội tỉnh)	sơ đáp ứng các quy định của pháp luật		- Nghị định số 47/2011/NĐ-CP ngày 17/06/2011 của Chính phủ; - Nghị định số 25/2022/NĐ-CP ngày 12/4/2022 của Chính phủ; - Thông tư 291/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016; - Thông tư 25/2020/TT -BTC ngày 14/4/2020 của Bộ Tài chính. - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	
	1.003633	Cấp lại giấy phép bưu chính khi hết hạn (nội tỉnh)	4 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng các quy định của pháp luật	Trung tâm	- Luật Bưu chính số 49/2010/QH12 ngày 17/06/2010; - Nghị định số 47/2011/NĐ-CP ngày 17/06/2011 của Chính phủ; - Nghị định số 25/2022/NĐ-CP ngày 12/4/2022 của Chính phủ; - Thông tư 291/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016; - Thông tư 25/2020/TT -BTC ngày 14/4/2020 của Bộ Tài chính. - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	20%
	1.004379	Cấp lại giấy phép bưu chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được (nội tỉnh)	2 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng các quy định của pháp luật	Trung tâm	- Luật Bưu chính số 49/2010/QH12 ngày 17/06/2010; - Nghị định số 47/2011/NĐ-CP ngày 17/06/2011 của Chính phủ; - Nghị định số 25/2022/NĐ-CP ngày 12/4/2022 của Chính phủ; - Thông tư 291/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016;	33,3%

					- Thông tư 25/2020/TT -BTC ngày 14/4/2020 của Bộ Tài chính. - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	
	1.004470	Cấp văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính (nội tỉnh)	4 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng các quy định của pháp luật	Trung tâm	- Luật Bưu chính số 49/2010/QH12 ngày 17/06/2010; - Nghị định số 47/2011/NĐ-CP ngày 17/06/2011 của Chính phủ; - Nghị định số 25/2022/NĐ-CP ngày 12/4/2022 của Chính phủ; - Thông tư 291/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016; - Thông tư 25/2020/TT -BTC ngày 14/4/2020 của Bộ Tài chính. - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	20%
	1.005442	Cấp lại văn bản xác nhận thông báo khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được (nội tỉnh)	2 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng các quy định của pháp luật	Trung tâm	- Luật Bưu chính số 49/2010/QH12 ngày 17/06/2010; - Nghị định số 47/2011/NĐ-CP ngày 17/06/2011 của Chính phủ; - Nghị định số 25/2022/NĐ-CP ngày 12/4/2022 của Chính phủ; - Thông tư 291/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016; - Thông tư 25/2020/TT -BTC ngày 14/4/2020 của Bộ Tài chính. - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ.	33,3%
	1.010902	Sửa đổi, bổ sung văn bản	4 ngày làm việc kể từ ngày	Trung tâm	- Luật Bưu chính số 49/2010/QH12 ngày 17/06/2010;	20%

		xác nhận thông báo hoạt động bưu chính (nội tỉnh)	nhận được hồ sơ đáp ứng các quy định của pháp luật		- Nghị định số 47/2011/NĐ-CP ngày 17/06/2011 của Chính phủ; - Nghị định số 25/2022/NĐ-CP ngày 12/4/2022 của Chính phủ; - Thông tư 291/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016; - Thông tư 25/2020/TT -BTC ngày 14/4/2020 của Bộ Tài chính. - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ.	
	1.004376	Cấp giấy phép bưu chính (phạm vi liên tỉnh, quốc tế)	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và đáp ứng điều kiện quy định	Trung tâm	- Luật Bưu chính số 49/2010/QH12 ngày 17/06/2010; - Nghị định số 47/2011/NĐ-CP ngày 17/06/2011 của Chính phủ; - Nghị định số 25/2022/NĐ-CP ngày 12/4/2022 của Chính phủ; - Thông tư 291/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016; - Thông tư 25/2020/TT -BTC ngày 14/4/2020 của Bộ Tài; - Quyết định số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ.	
	1.004366	Sửa đổi, bổ sung giấy phép bưu chính (phạm vi liên tỉnh, quốc tế)	4 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và đáp ứng điều kiện quy định	Trung tâm	- Luật Bưu chính số 49/2010/QH12 ngày 17/06/2010; - Nghị định số 47/2011/NĐ-CP ngày 17/06/2011 của Chính phủ; - Nghị định số 25/2022/NĐ-CP ngày 12/4/2022 của Chính phủ; - Thông tư 291/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016;	20%

					- Thông tư 25/2020/TT -BTC ngày 14/4/2020 của Bộ Tài; - Quyết định số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ.	
	1.004354	Cấp lại giấy phép bưu chính khi hết hạn (phạm vi liên tỉnh, quốc tế)	4 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và đáp ứng điều kiện quy định	Trung tâm	- Luật Bưu chính số 49/2010/QH12 ngày 17/06/2010; - Nghị định số 47/2011/NĐ-CP ngày 17/06/2011 của Chính phủ; - Nghị định số 25/2022/NĐ-CP ngày 12/4/2022 của Chính phủ; - Thông tư 291/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016; - Thông tư 25/2020/TT -BTC ngày 14/4/2020 của Bộ Tài; - Quyết định số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ.	20%
	1.004430	Cấp lại giấy phép bưu chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được (phạm vi liên tỉnh, quốc tế)	2 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và đáp ứng điều kiện quy định	Trung tâm	- Luật Bưu chính số 49/2010/QH12 ngày 17/06/2010; - Nghị định số 47/2011/NĐ-CP ngày 17/06/2011 của Chính phủ; - Nghị định số 25/2022/NĐ-CP ngày 12/4/2022 của Chính phủ; - Thông tư 291/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016; - Thông tư 25/2020/TT -BTC ngày 14/4/2020 của Bộ Tài; - Quyết định số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ.	33,3%
	1.004429	Cấp văn bản xác nhận thông báo	4 ngày làm việc kể từ ngày	Trung tâm	- Luật Bưu chính số 49/2010/QH12 ngày 17/06/2010;	20%

		hoạt động bưu chính (phạm vi liên tỉnh, quốc tế)	nhận được hồ sơ đầy đủ và đáp ứng điều kiện quy định		- Nghị định số 47/2011/NĐ-CP ngày 17/06/2011 của Chính phủ; - Nghị định số 25/2022/NĐ-CP ngày 12/4/2022 của Chính phủ; - Thông tư 291/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016; - Thông tư 25/2020/TT -BTC ngày 14/4/2020 của Bộ Tài; - Quyết định số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ.	
	1.004428	Cấp lại văn bản xác nhận thông báo khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được (phạm vi liên tỉnh, quốc tế)	2 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và đáp ứng điều kiện quy định	Trung tâm	- Luật Bưu chính số 49/2010/QH12 ngày 17/06/2010; - Nghị định số 47/2011/NĐ-CP ngày 17/06/2011 của Chính phủ; - Nghị định số 25/2022/NĐ-CP ngày 12/4/2022 của Chính phủ; - Thông tư 291/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016; - Thông tư 25/2020/TT -BTC ngày 14/4/2020 của Bộ Tài; - Quyết định số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ.	33,3%
	1.010901	Sửa đổi, bổ sung văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính (phạm vi liên tỉnh, quốc tế)	4 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và đáp ứng điều kiện quy định	Trung tâm	- Luật Bưu chính số 49/2010/QH12 ngày 17/06/2010; - Nghị định số 47/2011/NĐ-CP ngày 17/06/2011 của Chính phủ; - Nghị định số 25/2022/NĐ-CP ngày 12/4/2022 của Chính phủ; - Thông tư 291/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016;	20%

					- Thông tư 25/2020/TT -BTC ngày 14/4/2020 của Bộ Tài; - Quyết định số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ.	
III	**LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ SỐ**					
	1.014920	Đề nghị thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm trong 01 tỉnh, thành phố)	20 ngày sau khi nhận được hồ sơ đề nghị thử nghiệm hợp lệ	Trung tâm	- Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. - Luật Công nghiệp công nghệ số. - Nghị định số 353/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy.	66,7%
	1.014921	Đề nghị gia hạn thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm trong 01 tỉnh, thành phố)	Muộn nhất 5 ngày trước khi kết thúc thời gian thử nghiệm sau khi nhận được hồ sơ đề nghị gia hạn thử nghiệm đầy đủ, hợp lệ.	Trung tâm	- Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. - Luật Công nghiệp công nghệ số. - Nghị định số 353/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ.	66,7%
	1.014922	Đề nghị kết thúc thử nghiệm có kiểm soát sản	5 ngày kể từ thời điểm nhận được hồ sơ đề	Trung tâm	- Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. - Luật Công nghiệp công nghệ số.	66,7%

		phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm trong 01 tỉnh, thành phố)	nghị kết thúc thử nghiệm đầy đủ, hợp lệ.		- Nghị định số 353/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ.	
	1.014923	Đề nghị điều chỉnh thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm trong 01 tỉnh, thành phố)	5 ngày kể từ thời điểm nhận được hồ sơ điều chỉnh thử nghiệm đầy đủ, hợp lệ.	Trung tâm	- Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. - Luật Công nghiệp công nghệ số. - Nghị định số 353/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ.	66,7%
IV	**LĨNH VỰC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN ĐIỆN TỬ**					
	1.014636	Cho phép nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu.	3,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.	Trung tâm	- Luật Quản lý ngoại thương; - Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ; - Nghị quyết số 66.18/2026/NĐ-CP của Chính phủ; - Thông tư số 26/2025/TT-BKHCN ngày 31/10/ 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.	50%

	1.014637	Cho phép thương nhân thực hiện hoạt động gia công hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu cho thương nhân nước ngoài để tiêu thụ ở nước ngoài.	3,5 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.	Trung tâm	- Luật Quản lý ngoại thương; - Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ; - Nghị quyết số 66.18/2026/NĐ-CP của Chính phủ; - Thông tư số 26/2025/TT-BKHCN ngày 31/10/ 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.	50%
	1.014638	Bổ sung, sửa đổi Giấy phép, cấp lại do mất, thất lạc Giấy phép cho phép thực hiện hoạt động gia công hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu cho thương nhân nước ngoài để tiêu thụ ở nước ngoài	1,5 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.	Trung tâm	- Luật Quản lý ngoại thương; - Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Nghị quyết số 66.18/2026/NĐ-CP của Chính phủ; - Thông tư số 26/2025/TT-BKHCN ngày 31/10/ 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.	50%

V	**LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**					
	2.002248	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ).	2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm	- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Luật Chuyển giao công nghệ số 115/2025/QH15 ngày 10/12/2025; - Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 169/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 09/2026/TT-BKHCN ngày 31/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;	50%
	2.002249	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ).	2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm	- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Luật Chuyển giao công nghệ số 115/2025/QH15 ngày 10/12/2025; - Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 169/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 09/2026/TT-BKHCN ngày 31/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;	50%
	2.002544	Thủ tục cấp giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ	Trong thời hạn 7,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp	Trung tâm	- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ; - Quyết định số 12/2023/QĐ-TTg ngày 15/5/2023	50%

		khuyến khích chuyển giao.	lệ theo quy định.		của Thủ tướng Chính phủ; - Quyết định số 02/2026/QĐ-TTg ngày 08/01/2026 của Thủ tướng Chính phủ;	
	2.002546	Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao.	5 ngày làm việc - Đối với trường hợp có thay đổi công nghệ, sản phẩm công nghệ hoặc quy mô sản lượng, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm	Trung tâm	- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ; - Quyết định số 12/2023/QĐ-TTg ngày 15/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ; - Quyết định số 02/2026/QĐ-TTg ngày 08/01/2026 của Thủ tướng Chính phủ;	50%
	2.002548	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao.	Trong thời hạn 2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định.	Trung tâm	- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ; - Quyết định số 12/2023/QĐ-TTg ngày 15/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ; - Quyết định số 02/2026/QĐ-TTg ngày 08/01/2026 của Thủ tướng Chính phủ;	50%
	1.012353	Thủ tục xác định dự án đầu tư có hoặc không sử dụng công nghệ lạc	- 7,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy	Trung tâm	- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ; - Quyết định số 29/2023/QĐ-TTg ngày	50%

		hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên	định - 17,5 ngày làm việc Đối với dự án đầu tư có quy mô lớn, công nghệ phức tạp		19/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ; - Quyết định số 02/2026/QĐ-TTg ngày 08/01/2026 của Thủ tướng Chính phủ;	
	1.013918	Chấp thuận chuyển giao công nghệ	10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm	- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Luật Chuyển giao công nghệ số 115/2025/QH15 ngày 10/12/2025; - Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 169/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 09/2026/TT-BKHCN ngày 31/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;	66,7%
	1.013927	Cấp giấy phép chuyển giao công nghệ	5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm	- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Luật Chuyển giao công nghệ số 115/2025/QH15 ngày 10/12/2025; - Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 169/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 09/2026/TT-BKHCN ngày	Cắt giảm 66,7% so với quy định

					31/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;	
	1.013944	Xác nhận phương tiện vận tải chuyên dùng trong dây chuyền công nghệ sử dụng trực tiếp cho hoạt động sản xuất của dự án đầu tư	3 ngày làm việc	Trung tâm	- Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; - Quyết định số 30/2018/QĐ-TTg ngày 31/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ; - Quyết định số 02/2026/QĐ-TTg ngày 08/01/2026 của Thủ tướng Chính phủ;	70%
	1.014383	Thủ tục đặt và tổ chức xét tặng giải thưởng của tổ chức, cá nhân cư trú hoặc hoạt động hợp pháp tại Việt Nam	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm	- Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025; - Nghị định số 263/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ. - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ.	16,7%
	1.014388	Cho phép thành lập và phê duyệt điều lệ tổ chức và hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ có vốn nước ngoài.	Trong thời hạn 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm	- Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 93/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025. - Nghị định số 262/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ.	65,7%

	1.014389	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ	06 ngày làm việc	Trung tâm	- Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025. - Nghị định số 262/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ. - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ. - Thông tư số 10/2025/TT-BKHCN ngày 27/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.	25%
	1.014390	Thay đổi, bổ sung, cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ	05 ngày làm việc	Trung tâm	- Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025. - Nghị định số 262/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ. - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ. - Thông tư số 10/2025/TT-BKHCN ngày 27/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.	16,7%
	1.014391	Cấp Giấy chứng nhận văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	- Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền thực hiện thẩm định và cấp giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ. Trường hợp từ chối, phải có	Trung tâm	- Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 93/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025. - Nghị định số 262/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ. - Thông tư số 10/2025/TTBKHCN ngày 27/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.	60%

			văn bản trả lời và nêu rõ lý do.			
	1.014392	Thay đổi, bổ sung, cấp lại Giấy chứng nhận văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ.	Trong thời hạn 4 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm	- Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 93/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025. - Nghị định số 262/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ. - Thông tư số 10/2025/TTBKHCN ngày 27/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.	60%
	1.014393	Công nhận trung tâm nghiên cứu và phát triển	Trong thời hạn 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm	- Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 93/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025. - Nghị định số 262/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ. - Thông tư số 10/2025/TTBKHCN ngày 27/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.	65,7%
	1.014438	Thủ tục công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh	- Trong thời hạn 1 ngày làm việc cơ quan có thẩm quyền công nhận trả lời tổ chức về tính hợp lệ của hồ sơ. - Trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền công nhận xem xét ban	Trung tâm	- Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025. - Nghị định số 268/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ.	63%

			hành quyết định công nhận và cấp Giấy công nhận hoặc từ chối công nhận. - Trong trường hợp cần thiết, cơ quan có thẩm quyền công nhận thành lập Hội đồng tư vấn công nhận. + Trong thời hạn 2 ngày làm việc kể từ ngày họp hội đồng, cơ quan có thẩm quyền công nhận yêu cầu tổ chức giải trình, hoàn thiện hồ sơ. + Trong thời hạn 2 ngày làm việc kể từ ngày họp Hội đồng tư vấn công nhận hoặc kể từ ngày nhận được hồ sơ hoàn thiện sau khi giải trình, cơ quan có thẩm quyền công nhận ban hành quyết định công			

			nhận và cấp Giấy công nhận hoặc không công nhận			
	1.014439	Thủ tục công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo	- Trong thời hạn 1 ngày làm việc cơ quan có thẩm quyền công nhận trả lời tổ chức về tính hợp lệ của hồ sơ. - Trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền công nhận xem xét ban hành quyết định công nhận và cấp Giấy công nhận hoặc từ chối công nhận. - Trong trường hợp cần thiết, cơ quan có thẩm quyền công nhận thành lập Hội đồng tư vấn công nhận. + Trong thời hạn 2 ngày làm việc kể từ ngày họp hội đồng, cơ quan có thẩm quyền	Trung tâm	- Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025. - Nghị định số 268/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ.	63%

			công nhận yêu cầu tổ chức giải trình, hoàn thiện hồ sơ. + Trong thời hạn 2 ngày làm việc kể từ ngày họp Hội đồng tư vấn công nhận hoặc kể từ ngày nhận được hồ sơ hoàn thiện sau khi giải trình, cơ quan có thẩm quyền công nhận ban hành quyết định công nhận và cấp Giấy công nhận hoặc không công nhận			
	1.014440	Thủ tục cấp lại Giấy công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, Giấy công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh	5 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm	- Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025. - Nghị định số 268/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ.	66,7%
	1.014431	Thủ tục công nhận trung tâm hỗ trợ khởi	- Trong thời hạn 1 ngày làm việc cơ quan có thẩm quyền công nhận trả lời tổ chức về	Trung tâm	- Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025. - Nghị định số 268/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ.	63%

		nghiệp sáng tạo cấp tỉnh	tính hợp lệ của hồ sơ. - Trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền công nhận xem xét ban hành quyết định công nhận và cấp Giấy công nhận hoặc từ chối công nhận. - Trong trường hợp cần thiết, cơ quan có thẩm quyền công nhận thành lập Hội đồng tư vấn công nhận. + Trong thời hạn 2 ngày làm việc kể từ ngày họp hội đồng, cơ quan có thẩm quyền công nhận yêu cầu tổ chức giải trình, hoàn thiện hồ sơ. + Trong thời hạn 2 ngày làm việc kể từ ngày họp Hội đồng tư vấn			

			công nhận hoặc kể từ ngày nhận được hồ sơ hoàn thiện sau khi giải trình, cơ quan có thẩm quyền công nhận ban hành quyết định công nhận và cấp Giấy công nhận hoặc không công nhận			
	1.014432	Thủ tục công nhận trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo	- Trong thời hạn 1 ngày làm việc cơ quan có thẩm quyền công nhận trả lời tổ chức về tính hợp lệ của hồ sơ. - Trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền công nhận xem xét ban hành quyết định công nhận và cấp Giấy công nhận hoặc từ chối công nhận. - Trong trường hợp cần thiết, cơ quan có thẩm quyền công nhận	Trung tâm	- Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025. - Nghị định số 268/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ.	63%

			thành lập Hội đồng tư vấn công nhận. + Trong thời hạn 2 ngày làm việc kể từ ngày họp hội đồng, cơ quan có thẩm quyền công nhận yêu cầu tổ chức giải trình, hoàn thiện hồ sơ. + Trong thời hạn 2 ngày làm việc kể từ ngày họp Hội đồng tư vấn công nhận hoặc kể từ ngày nhận được hồ sơ hoàn thiện sau khi giải trình, cơ quan có thẩm quyền công nhận ban hành quyết định công nhận và cấp Giấy công nhận hoặc không công nhận			
	1.014433	Thủ tục công nhận cá nhân, nhóm cá nhân, doanh nghiệp	- Trong thời hạn 1 ngày làm việc cơ quan có thẩm quyền công nhận trả lời tổ chức về tính hợp lệ của hồ	Trung tâm	- Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025. - Nghị định số 268/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính.	63%

		khởi nghiệp sáng tạo	sơ. - Trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền công nhận xem xét ban hành quyết định công nhận và cấp Giấy công nhận hoặc từ chối công nhận. - Trong trường hợp cần thiết, cơ quan có thẩm quyền công nhận thành lập Hội đồng tư vấn công nhận. + Trong thời hạn 2 ngày làm việc kể từ ngày họp hội đồng, cơ quan có thẩm quyền công nhận yêu cầu tổ chức giải trình, hoàn thiện hồ sơ. + Trong thời hạn 2 ngày làm việc kể từ ngày họp Hội đồng tư vấn công nhận hoặc			

			kể từ ngày nhận được hồ sơ hoàn thiện sau khi giải trình, cơ quan có thẩm quyền công nhận ban hành quyết định công nhận và cấp Giấy công nhận hoặc không công nhận			
	1.014435	Thủ tục công nhận chuyên gia hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo	- Trong thời hạn 1 ngày làm việc cơ quan có thẩm quyền công nhận trả lời tổ chức về tính hợp lệ của hồ sơ. - Trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền công nhận xem xét ban hành quyết định công nhận và cấp Giấy công nhận hoặc từ chối công nhận. - Trong trường hợp cần thiết, cơ quan có thẩm quyền công nhận thành lập Hội	Trung tâm	- Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025. - Nghị định số 268/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính.	63%

			đồng tư vấn công nhận. + Trong thời hạn 2 ngày làm việc kể từ ngày họp hội đồng, cơ quan có thẩm quyền công nhận yêu cầu tổ chức giải trình, hoàn thiện hồ sơ. + Trong thời hạn 2 ngày làm việc kể từ ngày họp Hội đồng tư vấn công nhận hoặc kể từ ngày nhận được hồ sơ hoàn thiện sau khi giải trình, cơ quan có thẩm quyền công nhận ban hành quyết định công nhận và cấp Giấy công nhận hoặc không công nhận			
	1.014436	Thủ tục công nhận nhà đầu tư cá nhân khởi nghiệp sáng tạo	- Trong thời hạn 1 ngày làm việc cơ quan có thẩm quyền công nhận trả lời tổ chức về tính hợp lệ của hồ sơ.	Trung tâm	- Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025. - Nghị định số 268/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính.	63%

			- Trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền công nhận xem xét ban hành quyết định công nhận và cấp Giấy công nhận hoặc từ chối công nhận. - Trong trường hợp cần thiết, cơ quan có thẩm quyền công nhận thành lập Hội đồng tư vấn công nhận. + Trong thời hạn 2 ngày làm việc kể từ ngày họp hội đồng, cơ quan có thẩm quyền công nhận yêu cầu tổ chức giải trình, hoàn thiện hồ sơ. + Trong thời hạn 2 ngày làm việc kể từ ngày họp Hội đồng tư vấn công nhận hoặc kể từ ngày nhận			

			được hồ sơ hoàn thiện sau khi giải trình, cơ quan có thẩm quyền công nhận ban hành quyết định công nhận và cấp Giấy công nhận hoặc không công nhận			
	1.014437	Thủ tục cấp lại Giấy công nhận trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo sáng tạo, Giấy công nhận trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo cấp tỉnh, Giấy công nhận cá nhân, nhóm cá nhân khởi nghiệp sáng tạo, Giấy công nhận doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, Giấy công nhận chuyên gia hỗ trợ khởi nghiệp	5 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm	- Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025. - Nghị định số 268/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính.	66,7%

		sáng tạo, Giấy công nhận nhà đầu tư cá nhân khởi nghiệp sáng tạo				
	1.014445	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ	5 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm	- Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025. - Nghị định số 268/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ.	66,7%
	1.014446	Thủ tục cấp thay đổi nội dung, cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ.	3 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm	- Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025. - Nghị định số 268/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ	70%
	1.014444	Thủ tục đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo không sử dụng ngân sách nhà nước	14 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm	- Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025. - Nghị định số 268/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ	50%
	1.014451	Thủ tục đăng ký thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng	- Trong thời hạn 5 ngày kể từ ngày kết thúc nhận hồ sơ, cơ quan quản	Trung tâm	- Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025.	46,2%

		tạo tài trợ, đặt hàng về đổi mới công nghệ; phát triển tài sản trí tuệ, nâng cao năng suất, chất lượng; hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo.	lý nhiệm vụ đổi mới sáng tạo kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ và thông báo bằng văn bản hoặc trên Cổng thông tin điện tử đối với các hồ sơ hợp lệ hoặc không hợp lệ; - Trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày xác nhận hồ sơ hợp lệ, cơ quan quản lý nhiệm vụ đổi mới sáng tạo tổ chức xét duyệt nhiệm vụ. - Trong thời hạn tối đa 1,5 ngày làm việc kể từ ngày có biên bản họp Hội đồng xét duyệt, văn bản kiến nghị của tổ chức tư vấn xét duyệt, cơ quan quản lý nhiệm vụ đổi mới sáng tạo thông báo kết quả cho tổ chức đề xuất để hoàn thiện		- Nghị định số 268/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ	

			hồ sơ. - Trong thời hạn 3 ngày cơ quan quản lý nhiệm vụ đổi mới sáng tạo tổ chức thẩm định kinh phí nhiệm vụ đổi mới sáng tạo. - Trong thời hạn 5 ngày kể từ ngày có kết quả thẩm định kinh phí nhiệm vụ đổi mới sáng tạo quy định tại Điều 12, Điều 13 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP, Thủ trưởng cơ quan quản lý nhiệm vụ đổi mới sáng tạo xem xét, phê duyệt nhiệm vụ.			
	1.014452	Thủ tục sửa đổi, chấm dứt Hợp đồng tài trợ thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo	- Đối với trường hợp sửa đổi hợp đồng: Trong thời hạn 7,5 ngày kể từ ngày nhận ý kiến của chuyên gia, các bên liên quan (nếu có), cơ quan quản lý nhiệm vụ đổi mới	Trung tâm	- Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025. - Nghị định số 268/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ	50%

			sáng tạo quyết định phê duyệt nội dung sửa đổi và thông báo cho tổ chức chủ trì để tiến hành ký kết phụ lục điều chỉnh hợp đồng hoặc không phê duyệt. - Đối với trường hợp chấm dứt thực hiện nhiệm vụ: Trong thời hạn 7,5 ngày kể từ ngày nhận ý kiến của các bên liên quan (nếu có), cơ quan quản lý nhiệm vụ đổi mới sáng tạo quyết định chấm dứt việc thực hiện nhiệm vụ, xử lý kinh phí và tiến hành thủ tục thanh lý hợp đồng.			
	1.014453	Thủ tục đề nghị hỗ trợ lãi suất vay	- Trong thời hạn 5 ngày kể từ ngày kết thúc thời gian nhận hồ sơ, Quỹ kiểm tra tính đầy	Trung tâm	- Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025. - Nghị định số 268/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ	50%

			đủ, hợp lệ và thông báo bằng văn bản hoặc trên Cổng thông tin điện tử đối với các hồ sơ hợp lệ hoặc không hợp lệ. Trường hợp cần thiết, Quỹ tiến hành khảo sát thực tế nhằm xác minh thông tin trong hồ sơ để xem xét, quyết định. - Thời gian xét duyệt hồ sơ đề nghị hỗ trợ lãi suất vay tối đa là 15 ngày kể từ ngày Quỹ tiếp nhận, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ đề nghị hỗ trợ lãi suất vay. - Trong thời hạn 5 ngày, trên cơ sở kết quả tư vấn đánh giá tại khoản 5 Điều 22 Nghị định số số 268/2025/NĐ-CP			

			và xem xét hồ sơ đề nghị hỗ trợ lãi suất vay, Quỹ quyết định phê duyệt hỗ trợ lãi suất vay theo Mẫu II.7 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 268/2025/NĐ-CP			
	1.014454	Thủ tục đề xuất tham gia chương trình hỗ trợ voucher	- Trong thời hạn 5 ngày kể từ ngày kết thúc thời gian nhận hồ sơ theo quy định tại Khung Chương trình hỗ trợ voucher đã được phê duyệt, Quỹ tiếp nhận, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ; tổ chức kiểm tra thực tế (trực tuyến hoặc trực tiếp) khi cần; tổng hợp hồ sơ hợp lệ. Trường hợp hồ sơ đề xuất không đầy đủ các nội dung theo điểm a khoản 2 Điều 24 Nghị định số	Trung tâm	- Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025. - Nghị định số 268/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ	50%

			268/2025/NĐ-CP, Quỹ không tiếp tục xem xét hồ sơ, thông báo kết quả cho tổ chức đề xuất. - Đánh giá, xét duyệt đối tượng cung cấp và sản phẩm mới, dịch vụ mới: Thời gian xét duyệt tối đa là 15 ngày kể từ ngày Quỹ tiếp nhận, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ đề xuất tham gia chương trình hỗ trợ voucher. - Trong thời hạn 5 ngày, trên cơ sở các Biên bản họp Hội đồng xét duyệt tại điểm c khoản 2 Điều 24 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP và thương thảo với các đối tượng cung cấp sản phẩm mới, dịch vụ mới, Quỹ			

			quyết định phê duyệt các chương trình hỗ trợ voucher.			
	1.014460	Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước	2,5 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm	- Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013; - Nghị định 11/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN; - Thông tư số 11/2023/TT-BKHCN; - Quyết định số 753/QĐ-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ ngày 29/4/2025;	50%
	1.014525	Thủ tục xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan quản lý nhiệm vụ thông báo cho tổ chức đề xuất trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày hết hạn nộp hồ sơ theo Thông báo; - Trong thời gian tối đa 1,5 ngày làm việc kể từ ngày có biên bản họp Hội đồng, cơ quan quản lý nhiệm vụ thông báo kết quả cho tổ chức đề xuất; - Trong vòng 15	Trung tâm	- Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025. - Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ. - Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.	42,6%

			ngày kể từ thời điểm nhận được thông báo, tổ chức đề xuất xem xét tiếp thu ý kiến đóng góp của hội đồng, bổ sung dự toán kinh phí chi tiết thực hiện nhiệm vụ và gửi về cơ quan quản lý nhiệm vụ; - Trong thời gian tối đa 1,5 ngày làm việc kể từ ngày có biên bản thẩm định kinh phí, cơ quan quản lý nhiệm vụ thông báo kết quả cho tổ chức đề xuất. - Trong vòng 07 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận thông báo, tổ chức đề xuất có trách nhiệm hoàn thiện dự toán kinh phí và gửi về cơ quan quản lý nhiệm vụ. - Cơ quan quản lý nhiệm vụ xem			

			xét, quyết định phê duyệt tổ chức chủ trì tối đa là 55 ngày kể từ ngày hết hạn nộp hồ sơ.			
	1.014526	Thủ tục thực hiện điều chỉnh, chấm dứt thực hiện hợp đồng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	- Điều chỉnh hợp đồng giao nhiệm vụ: Tối đa 5 ngày (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ). - Chấm dứt thực hiện nhiệm vụ trong quá trình triển khai: Tối đa 25 ngày (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)	Trung tâm	- Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025. - Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ. - Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.	66,7%
	1.014843	Thủ tục xét duyệt hồ sơ hỗ trợ trực tiếp cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, đổi mới sáng tạo	- Trong thời hạn 03 ngày làm việc (kể từ ngày hết hạn nhận hồ sơ), nếu hồ sơ có sai sót hoặc không đầy đủ, Sở Khoa học và Công nghệ thông báo cho doanh nghiệp bổ sung hồ sơ. Doanh nghiệp có trách nhiệm bổ sung hồ sơ trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ	Trung tâm	Nghị quyết số 19/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân thành phố ngày 26/10/2025.	50%

			ngày nhận được thông báo. - Đối với các trường hợp quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 7 và 8 Điều 7 Nghị quyết số 19/2025/NQ-HĐND: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Tổ thẩm định hồ sơ. Tổ thẩm định có trách nhiệm tổ chức thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định thành lập. - Đối với các trường hợp quy định tại khoản 5, 6 Điều 7 Nghị quyết số 19/2025/NQ-HĐND: Trong thời hạn 30 ngày			

			làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức khảo sát thực tế và thành lập Hội đồng tư vấn đánh giá kết quả thực hiện và tổ chức đánh giá chuyên sâu. - Căn cứ kết quả thẩm định hoặc đánh giá, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày họp Tổ thẩm định hồ sơ hoặc Hội đồng tư vấn đánh giá kết quả thực hiện và tổ chức đánh giá chuyên sâu, Sở Khoa học và Công nghệ ban hành Quyết định hỗ trợ (nếu được hội đồng thông qua).			
	1.014536	Thủ tục hỗ trợ tổ chức hội thảo	Tối đa 12 ngày kể từ ngày tiếp	Trung tâm	- Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025; - Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025	60%

		khoa học tại Việt Nam	nhận hồ sơ hợp lệ		của Chính phủ. - Thông tư số 43/2025/TT-BKHCN ngày 30/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.	
	1.014537	Thủ tục hỗ trợ phát triển tạp chí khoa học	Tối đa 12 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ	Trung tâm	- Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025; - Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ. - Thông tư số 43/2025/TT-BKHCN ngày 30/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.	60%
	1.014538	Thủ tục hỗ trợ hoạt động sáng kiến, giải pháp cải tiến kỹ thuật hoặc hợp lý hóa sản xuất	Tối đa 12 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ	Trung tâm	- Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025; - Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ. - Thông tư số 43/2025/TT-BKHCN ngày 30/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.	60%
	1.014539	Thủ tục hỗ trợ hoạt động truyền thông khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phổ biến tri thức	Tối đa 12 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ	Trung tâm	- Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025; - Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ. - Thông tư số 43/2025/TT-BKHCN ngày 30/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.	60%
	1.014541	Thủ tục hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực	Tối đa 25 ngày kể từ ngày tiếp	Trung tâm	- Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025; - Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025	58,3%

		khoa học và công nghệ dành cho tổ chức	nhận hồ sơ hợp lệ		của Chính phủ. - Thông tư số 43/2025/TT-BKHCN ngày 30/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 20/2026/TT-BKHCN ngày 20/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.	
	1.014547	Thủ tục hỗ trợ mời nhà khoa học xuất sắc nước ngoài đến Việt Nam trao đổi học thuật ngắn hạn	Tối đa 12 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ	Trung tâm	- Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025; - Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ. - Thông tư số 43/2025/TT-BKHCN ngày 30/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.	60%
	1.014549	Thủ tục hỗ trợ tham dự và báo cáo kết quả nghiên cứu tại hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế	Tối đa 12 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ	Trung tâm	- Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025; - Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ. - Thông tư số 43/2025/TT-BKHCN ngày 30/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.	60%
	1.014551	Thủ tục hỗ trợ công bố công trình khoa học và công nghệ trong nước và quốc tế	Tối đa 12 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ	Trung tâm	- Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025; - Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ. - Thông tư số 43/2025/TT-BKHCN ngày 30/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.	60%

	1.014884	Thủ tục xét duyệt hồ sơ đề nghị hỗ trợ kinh phí thuê tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ	45 ngày làm việc	Trung tâm	- Nghị quyết số 20/2025/NQ-HĐND ngày 26/10/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố - Quyết định số 250/2025/QĐ-UBND ngày 26/12/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố.	50%
	1.014886	Thủ tục cấp phép thử nghiệm có kiểm soát	45 ngày làm việc	Trung tâm	Quyết định số 248/2025/QĐ-UBND ngày 26/12/2025 của UBND thành phố Hải Phòng.	50%
	1.014887	Thủ tục điều chỉnh thử nghiệm có kiểm soát	45 ngày làm việc	Trung tâm	Quyết định số 248/2025/QĐ-UBND ngày 26/12/2025 của UBND thành phố Hải Phòng.	50%
	1.014890	Thủ tục gia hạn thử nghiệm có kiểm soát	15 ngày làm việc	Trung tâm	Quyết định số 248/2025/QĐ-UBND ngày 26/12/2025 của UBND thành phố Hải Phòng.	50%
	1.014987	Thủ tục thẩm định công nghệ trong trường hợp đặc thù	Trường hợp 1: Không cần giải trình, làm rõ, bổ sung hoặc kiểm tra thực tế - 1,5 ngày làm việc để kiểm tra hồ sơ và thông báo kết quả tiếp nhận hồ sơ; - 2,5 ngày làm việc để tổ chức,	Trung tâm	- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14; - Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15; - Luật số 115/2025/QH15; - Thông tư số 11/2026/TT-BKHCN ngày 31/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.	50%

			cá nhân có văn bản đồng ý hoặc không đồng ý đối với dự toán kinh phí. Trường hợp không thống nhất được dự toán kinh phí thì cơ quan có thẩm quyền dừng xử lý và trả hồ sơ. - 7,5 ngày làm việc để thành lập Hội đồng; - 7,5 ngày làm việc để tổ chức họp Hội đồng; - 2,5 ngày làm việc để ban hành thông báo kết quả Trường hợp 2: Cần giải trình, làm rõ, bổ sung hoặc kiểm tra thực tế - 1,5 ngày làm việc để kiểm tra hồ sơ và thông báo kết quả tiếp nhận hồ sơ; - 2,5 ngày làm việc để tổ chức, cá nhân có văn bản đồng ý hoặc			

			không đồng ý đối với dự toán kinh phí. Trường hợp không thống nhất được dự toán kinh phí thì cơ quan có thẩm quyền dừng xử lý và trả hồ sơ. - 7,5 ngày làm việc để thành lập Hội đồng; - 7,5 ngày làm việc để tổ chức họp Hội đồng; - 05 ngày làm việc để cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Sở Khoa học và Công nghệ) gửi văn bản đến tổ chức, cá nhân yêu cầu giải trình, làm rõ, bổ sung hoặc kiểm tra thực tế, căn cứ ý kiến của Hội đồng tư vấn thẩm định công nghệ; - 7,5 ngày làm việc để tổ chức,			

			cá nhân giải trình, làm rõ hoặc bố trí kiểm tra thực tế; - 05 ngày làm việc để Hội đồng tư vấn thẩm định công nghệ họp sau khi nhận được hồ sơ giải trình, làm rõ của tổ chức, cá nhân. - 2,5 ngày làm việc để ban hành thông báo kết quả			
	1.014986	Thủ tục đánh giá, thẩm định công nghệ mới, sản phẩm mới tạo ra tại Việt Nam từ kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo	- 1,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ gửi thông báo cho tổ chức, cá nhân về kết quả xem xét hồ sơ (trường hợp sửa đổi, bổ sung); - 7,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập Hội	Trung tâm	- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ số 115/2025/QH15; - Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 12/2026/TT-BKHCN ngày 31/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.	50%

			đồng đánh giá, thẩm định công nghệ mới, sản phẩm mới; - 7,5 ngày làm việc kể từ ngày Hội đồng đánh giá, thẩm định công nghệ mới, sản phẩm mới được thành lập, Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức họp Hội đồng đánh giá, thẩm định công nghệ mới, sản phẩm mới - 3,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được biên bản họp của Hội đồng đánh giá, thẩm định công nghệ mới, sản phẩm mới, cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành thông báo kết quả công nhận công			

			nghệ mới, sản phẩm mới tạo ra tại Việt Nam từ kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo.			
	1.014988	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ.	04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm	- Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 09/2026/TT-BKHCN ngày 31/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ; - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ.	60%
	1.014989	Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ.	04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm	- Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 09/2026/TT-BKHCN ngày 31/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ; - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ.	60%
	1.014990	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ.	2 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm	- Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 09/2026/TT-BKHCN ngày 31/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;	60%
	1.014991	Thủ tục cấp Giấy chứng	04 ngày làm việc kể từ ngày	Trung tâm	- Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ;	60%

		nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ	nhận được hồ sơ hợp lệ		- Thông tư số 09/2026/TT-BKHCN ngày 31/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ; - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ.	
	1.014992	Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ.	04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm	- Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 09/2026/TT-BKHCN ngày 31/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ; - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính.	60%
	1.014993	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ.	2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm	- Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 09/2026/TT-BKHCN ngày 31/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;	50%
	1.115699	Thủ tục công nhận Trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ cao, Trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ chiến lược	15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	Trung tâm	- Luật Công nghệ cao số 133/2025/QH15; - Nghị định số 262/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 260/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 40/2026/TT-BKHCN ngày 01/7/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.	62,5%

	1.115700	Thủ tục xác nhận doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao	15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	Trung tâm	- Luật Công nghệ cao số 133/2025/QH15; - Nghị định số 260/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 40/2026/TT-BKHCN ngày 01/7/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.	62,5%
	1.115701	Thủ tục xác nhận doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ chiến lược	15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	Trung tâm	- Luật Công nghệ cao số 133/2025/QH15; - Nghị định số 260/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 40/2026/TT-BKHCN ngày 01/7/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.	62,5%
	1.115705	Thủ tục xác nhận dự án đầu tư đáp ứng tiêu chí thực hiện hoạt động công nghệ cao, công nghệ chiến lược đầu tư vào khu công nghệ cao	12 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	Trung tâm	- Luật Công nghệ cao số 133/2025/QH15; - Nghị định số 260/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ.	50%
	1.115702	Thủ tục xác nhận sản phẩm công nghệ cao được khuyến	15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	Trung tâm	- Luật Công nghệ cao số 133/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025; - Nghị định số 260/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ;	62,5%

		khích phát triển, sản phẩm công nghệ chiến lược			- Thông tư số 40/2026/TT-BKHCN ngày 01/7/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.	
	1.115703	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở ươm tạo công nghệ cao, công nghệ chiến lược, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ chiến lược	11 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	Trung tâm	- Luật Công nghệ cao số 133/2025/QH15; - Nghị định số 260/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 38/2026/TT-BKHCN ngày 01/7/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.	50%
	1.115704	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở ươm tạo công nghệ cao, công nghệ chiến lược, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ chiến lược	06 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	Trung tâm	- Luật Công nghệ cao số 133/2025/QH15; - Nghị định số 260/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 38/2026/TT-BKHCN ngày 01/7/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.	50%
VI	**LĨNH VỰC SỞ HỮU TRÍ TUỆ**					

	1.013916	Thủ tục cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	08 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15; Luật số 93/2025/QH15 và Luật số 131/2025/QH15. - Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP và Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ. - Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016. - Thông tư số 64/2025/TT-BTC.	50%
	1.013919	Thủ tục cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	08 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15; Luật số 93/2025/QH15 và Luật số 131/2025/QH15. - Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP và Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ. - Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016. - Thông tư số 64/2025/TT-BTC.	50%
	1.013922	Thủ tục thu hồi chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	- 7,5 ngày (Trong trường hợp có quyết định thu hồi Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc	Trung tâm	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15; Luật số 93/2025/QH15 và Luật số 131/2025/QH15. - Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ.	50%

			trong trường hợp có căn cứ khẳng định người được cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp không còn đáp ứng các điều kiện hành nghề); - 15 ngày (Trong trường hợp tổ chức, cá nhân có yêu cầu thu hồi Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp).			
	1.013924	Thủ tục ghi nhận tổ chức đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp.	08 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15; Luật số 93/2025/QH15 và Luật số 131/2025/QH15. - Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ. - Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016; được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2020; Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2023.	50%
	1.013925	Thủ tục ghi nhận người đại diện sở hữu công nghiệp.	07 ngày làm việc	Trung tâm	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15; Luật số 93/2025/QH15 và Luật số 131/2025/QH15.	50%

					- Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ. - Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016; được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2020; Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2023.	
	1.013928	Thủ tục ghi nhận thay đổi thông tin của tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	08 ngày làm việc	Trung tâm	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15; Luật số 93/2025/QH15 và Luật số 131/2025/QH15. - Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP và Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ. - Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016; được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2020; Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2023.	50%
	1.013942	Thủ tục xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp.	04 ngày làm việc	Trung tâm	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15; Luật số 93/2025/QH15 và Luật số 131/2025/QH15. - Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ. - Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11	50%

					năm 2016; được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2020; Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2023.	
	1.013954	Thủ tục xóa tên người đại diện sở hữu công nghiệp	04 ngày làm việc	Trung tâm	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15; Luật số 93/2025/QH15 và Luật số 131/2025/QH15. - Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ. - Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016; được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2020; Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2023.	75%
	1.013955	Thủ tục đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp.	3,5 ngày làm việc	Trung tâm	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15; Luật số 93/2025/QH15 và Luật số 131/2025/QH15. - Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP và Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ. - Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016; được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2020;	73,1%

					Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2023.	
	1.013966	Thủ tục cấp phó bản văn bằng bảo hộ và cấp lại văn bằng bảo hộ/phó bản văn bằng bảo hộ	15 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ	Trung tâm	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15; Luật số 93/2025/QH15 và Luật số 131/2025/QH15. - Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ. - Điểm 4.1 và 4.2 Mục B Phí sở hữu công nghiệp tại Biểu mức thu phí, lệ phí sở hữu công nghiệp (Ban hành kèm theo Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính).	50%
	1.013968	Thủ tục đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp	30 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ	Trung tâm	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15; Luật số 93/2025/QH15 và Luật số 131/2025/QH15. - Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ. - Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 64/2025/TT-BTC của Bộ Tài chính. - Thông tư số 29/2026/TT-BTC của Bộ Tài chính.	50%
	1.013970	Thủ tục ghi nhận việc sửa đổi nội dung, gia hạn, chấm dứt trước thời hạn hiệu lực	15 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ	Trung tâm	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15; Luật số 93/2025/QH15 và Luật số 131/2025/QH15. - Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 được sửa	50%

		hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp			đổi bổ sung bởi Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ. - Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính.	
	1.013972	Thủ tục cấp phó bản, cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp, cấp lại phó bản giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp	15 ngày	Trung tâm	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15; Luật số 93/2025/QH15 và Luật số 131/2025/QH15. - Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ. -Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính).	50%
	1.013973	Thủ tục ra quyết định bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng sáng chế	20 ngày kể từ ngày nhận đơn hợp lệ	Trung tâm	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15; Luật số 93/2025/QH15 và Luật số 131/2025/QH15. - Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ.	33,3%
	1.013974	Thủ tục yêu cầu chấm dứt quyền sử dụng sáng chế theo quyết định bắt buộc	20 ngày kể từ ngày nhận đơn hợp lệ	Trung tâm	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15; Luật số 93/2025/QH15 và Luật số 131/2025/QH15. - Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số	33,3%

					15/2026/NĐ-CP và Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ.	
	1.015016	Thủ tục giải quyết khiếu nại liên quan đến sở hữu công nghiệp	- 03 ngày để ra thông báo thụ lý hoặc không thụ lý hồ sơ kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ; - 10 ngày kể từ ngày ra thông báo để người có quyền, lợi ích liên quan trực tiếp có ý kiến; - 10 ngày kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn này là 15 ngày (đối với khiếu nại lần thứ nhất); - 15 ngày kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn này là 20 ngày (đối với khiếu nại lần thứ hai). Thời gian để người khiếu nại, người bị khiếu nại, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cung	Trung tâm	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29/11/2005, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 36/2009/QH12 ngày 19/6/2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14/6/ 2019 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16/6/2022; Luật số 93/2025/ QH15 ngày 27/6/2025; Luật số 131/2025/QH15 10/12/2025; - Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011; - Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020; - Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 10/2026/TT-BKHCN ngày 31/3/2026.	42,5%

			cấp ý kiến, thông tin, tài liệu và chứng cứ về nội dung khiếu nại, thời gian thực hiện trưng cầu giám định (nếu có), thời gian người khiếu nại sửa đổi, bổ sung hồ sơ khiếu nại không tính vào thời hạn giải quyết khiếu nại.			
	1.015014	Thủ tục công nhận cơ sở đào tạo pháp luật về sở hữu công nghiệp	7,5 ngày làm việc	Trung tâm	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 36/2009/QH12 ngày 19/6/2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14/6/2019 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16/6/2022; Luật số 93/2025/QH15 ngày 27/6/2025; Luật số 131/2025/QH15 ngày 10/12/2025. - Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026; - Thông tư số 20/2026/TT-BKHCN ngày 20/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.	50%
VII	**LĨNH VỰC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN**					
	2.002783	Thủ tục Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến	5,5 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy	Trung tâm	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025	50%

		điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế)	đủ, đúng quy định		của Chính phủ. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	
	2.002784	Thủ tục Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế)	3,5 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định	Trung tâm	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	50%
	2.002785	Thủ tục Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế)	3,5 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định	Trung tâm	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	50%
	2.002786	Thủ tục Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện	5,5 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định	Trung tâm	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.	50%

		đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế)			- Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	
	2.002788	Thủ tục Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ	9 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định	Trung tâm	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	59,1%
	2.002789	Thủ tục Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ	5 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.	Trung tâm	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016. - Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 43/2024/TT-BTC ngày 28/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	28,6%

	2.002780	Thủ tục Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ	3,5 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.	Trung tâm	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	50%
	2.002790	Thủ tục Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ	09 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định	Trung tâm	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 43/2024/TT-BTC ngày 28/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	59,1%
	1010277	Cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng viễn thông dùng	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022. - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ.	22,2%

		riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất			- Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ. - Thông tư số 31/2026/TT-BKHCN ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.	
	1010278	Gia hạn Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022. - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 43/2024/TT-BTC ngày 28/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng	Không đề xuất cắt giảm

					5 năm 2026 của Chính phủ. - Thông tư số 31/2026/TT-BKHCN ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.	
	1010279	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ. - Thông tư số 31/2026/TT-BKHCN ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.	22,2%
	1004500	Cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của Cơ quan đại diện nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 65/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	11,8%

		quốc tế về thông tin vệ tinh			- Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ. - Thông tư số 31/2026/TT-BKHCN ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.	
	1010268	Gia hạn Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của Cơ quan đại diện nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.	Trung tâm	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ; - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 65/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính . - Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ. - Thông tư số 31/2026/TT-BKHCN ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ	11,8%
	1010276	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.	Trung tâm	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ;	11,8%

		của Cơ quan đại diện nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh			- Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính . - Thông tư số 65/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ. - Thông tư số 31/2026/TT-BKHCN ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ	
	1010284	Cấp đổi Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của Cơ quan đại diện nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18/8/2023 của Chính phủ. - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016. - Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ. - Thông tư số 31/2026/TT-BKHCN ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.	

	1010288	Cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của đoàn khách nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ; - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 65/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ. - Thông tư số 31/2026/TT-BKHCN ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ	
	1010272	Gia hạn Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của đoàn khách nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ; - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 65/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6	

		các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh			năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ. - Thông tư số 31/2026/TT-BKHCN ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ	
	1010280	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của đoàn khách nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.	Trung tâm	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ; - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 65/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ. - Thông tư số 31/2026/TT-BKHCN ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ	
	1010304	Cấp đổi Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8	

		đất của đoàn khách nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh			năm 2023 của Chính phủ; - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ. - Thông tư số 31/2026/TT-BKHCN ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ	
	1010308	Cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh	14 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ; - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 65/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ. - Thông tư số 31/2026/TT-BKHCN ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ	12,5%

	1010316	Gia hạn Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh	14 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ; - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 65/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ. - Thông tư số 31/2026/TT-BKHCN ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ	12,5%
	1010317	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức	14 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ; - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 65/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ. - Thông tư số 31/2026/TT-BKHCN ngày 10 tháng	12,5%

		quốc tế về thông tin vệ tinh			6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ	
	1010297	Cấp đổi Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016. - Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ. - Thông tư số 31/2026/TT-BKHCN ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.	Không đề xuất cắt giảm
	1010281	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu có hoạt động quốc tế	09 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18/8/2023 của Chính phủ. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016. - Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng	

					5 năm 2026 của Chính phủ. - Thông tư số 31/2026/TT-BKHCN ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.	
	1010282	Gia hạn Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu có hoạt động quốc tế	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18/8/2023 của Chính phủ. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016. - Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ. - Thông tư số 31/2026/TT-BKHCN ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.	
	1010283	Sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu có hoạt động quốc tế	09 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18/8/2023 của Chính phủ. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016. - Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng	

					5 năm 2026 của Chính phủ. - Thông tư số 31/2026/TT-BKHCN ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.	
	1010293	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất, mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ của cơ quan đại diện nước ngoài, đoàn khách nước ngoài, phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn	14 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ; - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính . - Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ. - Thông tư số 31/2026/TT-BKHCN ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ	12,5%
	1010294	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định	Trung tâm	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11	

		tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất, mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ của cơ quan đại diện nước ngoài, đoàn khách nước ngoài, phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn			năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 43/2024/TT-BTC ngày 28/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ. - Thông tư số 31/2026/TT-BKHCN ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.	
	1010295	Sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất, mạng thông tin vô tuyến	14 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ.	

		điện nội bộ của cơ quan đại diện nước ngoài, đoàn khách nước ngoài, Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn			- Thông tư số 31/2026/TT-BKHCN ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.	
	1010296	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất, mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ của cơ quan đại diện nước ngoài, đoàn khách nước ngoài, Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18/8/2023 của Chính phủ. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016. - Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ. - Thông tư số 31/2026/TT-BKHCN ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.	

	1010250	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với các giấy phép mẫu 1đ, 1i, 1g1, 1h1	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18/8/2023 của Chính phủ. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016. - Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ. - Thông tư số 31/2026/TT-BKHCN ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.	
VIII	**LĨNH VỰC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG**					
	2.000212	Thủ tục công bố sử dụng dấu định lượng	2,5 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	Trung tâm	- Luật Đo lường ngày 11/11/2011; - Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19/10/2012 của Chính phủ; - Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa; - Thông tư số 21/2014/TT-BKHCN ngày 15/7/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.	50%
	1.000449	Thủ tục điều chỉnh nội dung bản công bố sử	2,5 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ	Trung tâm	- Luật Đo lường ngày 11/11/2011; - Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19/10/2012 của Chính phủ; - Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017	50%

		dụng dấu định lượng	sơ đầy đủ, hợp lệ		của Chính phủ về nhãn hàng hóa; - Thông tư số 21/2014/TT-BKHCN ngày 15/7/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ	
	1.014879	Thủ tục chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2	04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	Trung tâm	- Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15; - Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; - Luật Đo lường số 04/2011/QH13 ngày 11/11/2011; - Nghị định số 36/2026/NĐ-CP ngày 23/01/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 54/2025/TT- BKHCN ngày 31/12/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ.	60%
	1.014880	Thủ tục điều chỉnh nội dung quyết định chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2	3 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	Trung tâm	- Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15; - Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; - Luật Đo lường số 04/2011/QH13 ngày 11/11/2011; - Nghị định số 36/2026/NĐ-CP ngày 23/01/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 54/2025/TT-BKHCN ngày 31/12/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ.	57,1%
	1.014881	Thủ tục hủy bỏ hiệu lực của quyết định chứng nhận chuẩn đo lường	1,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của tổ chức	Trung tâm	- Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15; - Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; - Luật Đo lường số 04/2011/QH13 ngày 11/11/2011; - Nghị định số 36/2026/NĐ-CP ngày 23/01/2026	50%

					của Chính phủ; - Thông tư số 54/2025/TT-BKHCN ngày 31/12/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ.	
	1.014882	Thủ tục chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường	04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	Trung tâm	- Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15; - Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; - Luật Đo lường số 04/2011/QH13 ngày 11/11/2011; - Nghị định số 36/2026/NĐ-CP ngày 23/01/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 54/2025/TT-BKHCN ngày 31/12/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ.	60%
	1.014883	Thủ tục điều chỉnh nội dung quyết định chứng nhận, cấp thẻ, cấp lại thẻ kiểm định viên đo lường	3,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	Trung tâm	- Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15; - Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; - Luật Đo lường số 04/2011/QH13 ngày 11/11/2011; - Nghị định số 36/2026/NĐ-CP ngày 23/01/2026 của Chính phủ.	50%
	1.014885	Thủ tục hủy bỏ hiệu lực của quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường	1,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của tổ chức	Trung tâm	- Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15; - Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; - Luật Đo lường số 04/2011/QH13 ngày 11/11/2011; - Nghị định số 36/2026/NĐ-CP ngày 23/01/2026 của Chính phủ. - Thông tư số 54/2025/TT-BKHCN ngày 31/12/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ.	50%

	1.014888	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa	3,5 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	Trung tâm	- Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 70/2025/QH15. - Nghị định số 22/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ.	50%
	1.014889	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa	3 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	Trung tâm	- Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 70/2025/QH15. - Nghị định số 22/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ.	57,1%
	1.014891	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa	1,5 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	Trung tâm	- Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 70/2025/QH15. - Nghị định số 22/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ.	50%
	1.014892	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định đối tượng hoạt động trong	3,5 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	Trung tâm	- Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 70/2025/QH15. - Nghị định số 22/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ.	50%

		lĩnh vực tiêu chuẩn và hoạt động trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật				
	1.014893	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định đối tượng hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và hoạt động trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật	3 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	Trung tâm	- Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 70/2025/QH15. - Nghị định số 22/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ.	57,1%
	1.014894	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định đối tượng hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và hoạt động trong lĩnh	1,5 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	Trung tâm	- Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 70/2025/QH15. - Nghị định số 22/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ.	50%

		vực quy chuẩn kỹ thuật				
	1.014895	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý	3,5 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	Trung tâm	- Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 70/2025/QH15. - Nghị định số 22/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ .	50%
	1.014896	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý	3 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	Trung tâm	- Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 70/2025/QH15. - Nghị định số 22/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ.	57,1%
	1.014897	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý	1,5 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	Trung tâm	- Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 70/2025/QH15. - Nghị định số 22/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ.	50%
	1.014876	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động xác	3,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ	Trung tâm	- Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 70/2025/QH15.	50%

		nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận	sơ đầy đủ, hợp lệ		- Nghị định số 22/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ. - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ.	
	1.014877	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận	3 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	Trung tâm	- Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 70/2025/QH15. - Nghị định số 22/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ. - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ.	57,1%
	1.014878	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận	1,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	Trung tâm	- Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 70/2025/QH15. - Nghị định số 22/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ. - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ.	50%
	1.115159	Công bố năng lực của tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo nhóm 1, chuẩn đo lường	1,5 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	Trung tâm	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/05/2026 của Chính phủ.	50%

		không dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2				
	1.115160	Điều chỉnh nội dung của bản công bố năng lực của tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo nhóm 1, chuẩn đo lường không dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2	1,5 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	Trung tâm	- Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/05/2026 của Chính phủ.	50%
	1.115161	Hủy bỏ bản công bố năng lực đã được ghi nhận của tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo nhóm 1,	1,5 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	Trung tâm	- Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/05/2026 của Chính phủ.	50%

		chuẩn đo lường không dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2				
	1.115167	Công bố năng lực tư vấn đối với tổ chức tư vấn	2 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	Trung tâm	- Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ; - Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ; - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ; - Thông tư số 22/2026/TT-BKHCN ngày 20 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.	60%
	1.115162	Công bố năng lực tư vấn đối với chuyên gia tư vấn độc lập	2 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	Trung tâm	- Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ - Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ; - Thông tư số 22/2026/TT-BKHCN ngày 20 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.	60%
	1.115163	Công bố năng lực đánh giá đối	2 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ	Trung tâm	- Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ. - Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN ngày 10 tháng	60%

		với tổ chức chứng nhận	sơ đầy đủ, hợp lệ		10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ; - Thông tư số 22/2026/TT-BKHCN ngày 20 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.	
	1.115164	Điều chỉnh Bản công bố năng lực tư vấn, đánh giá	1,5 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	Trung tâm	- Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ - Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ; - Thông tư số 22/2026/TT-BKHCN ngày 20 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.	50%
	1.115165	Công bố năng lực đào tạo	2 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	Trung tâm	- Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ - Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ; - Thông tư số 22/2026/TT-BKHCN ngày 20 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.	60%

	1.115166	Điều chỉnh Bản công bố năng lực đào tạo	1,5 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	Trung tâm	- Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ - Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ; - Thông tư số 22/2026/TT-BKHCN ngày 20 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.	50%
	1115184	Kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu có mức độ rủi ro cao	Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: 01 ngày làm việc kể từ ngày hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. - Trường hợp hồ sơ đầy đủ nhưng không đáp ứng yêu cầu về nhãn: 06 ngày làm việc (bao gồm 05	Trung tâm	- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 78/2025/QH15. - Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày23/01/2026 của Chính phủ.	50%

			ngày khắc phục và 01 ngày kể từ ngày hồ sơ đầy đủ và hợp lệ). - Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định: 08 ngày làm việc không tính thời gian xin gia hạn (gồm 07 ngày bổ sung hồ sơ từ ngày tiếp nhận và 01 ngày kể từ ngày hồ sơ đầy đủ, hợp lệ). - Trường hợp tổ chức, cá nhân			

			nhập khẩu không hoàn thiện đầy đủ hồ sơ trong thời hạn quy định: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi hết thời hạn bổ sung hồ sơ. (Quyết định số 2411/QĐ-UBND ngày 26/6/2026)			
	1115185	Chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp lần đầu (địa phương)	04 ngày làm việc kể từ ngày hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và không tính thời gian đánh giá tại cơ sở, thời gian khắc phục và đánh giá lại (nếu có)	Trung tâm	- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 78/2025/QH15. - Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23/01/2026 của Chính phủ.	60%

	1115186	Đăng ký thay đổi, bổ sung Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp (địa phương)	04 ngày làm việc kể từ ngày hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và không tính thời gian đánh giá tại cơ sở, thời gian khắc phục và đánh giá lại (nếu có)	Trung tâm	- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 78/2025/QH15. - Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23/01/2026 của Chính phủ. - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	60%
IX	LĨNH VỰC VI MẠCH BÁN DẪN, TRÍ TUỆ NHÂN TẠO					
	1.014985	Thủ tục hỗ trợ chính sách phát triển nguồn nhân lực trong lĩnh vực vi mạch bán dẫn, trí tuệ nhân tạo trên địa bàn thành phố Hải Phòng, giai đoạn 2025 - 2030	Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày họp Hội đồng, căn cứ biên bản họp của Hội đồng, Sở Khoa học và Công nghệ báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định hỗ trợ kinh phí hoặc có văn bản từ chối hỗ trợ	Trung tâm	- Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND ngày 26/10/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng; - Quyết định số 06/2026/QĐ-UBND ngày 19/01/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố.	50%

X	LĨNH VỰC VIỄN THÔNG VÀ INTERNET					
	1.013819	Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với tranh chấp của doanh nghiệp viễn thông thuộc phạm vi giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.	16 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ	Trung tâm	Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP của Chính phủ: Phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.	

	1.013877	Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với tranh chấp của doanh nghiệp viễn thông thuộc phạm vi giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất).	16 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ	Trung tâm	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP của Chính phủ: Phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.	
	1.013885	Ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với doanh nghiệp viễn thông không phải là doanh nghiệp viễn	Không quy định	Trung tâm	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	

		thông nắm giữ phương tiện thiết yếu, doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường hoặc doanh nghiệp thuộc nhóm doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường đối với thị trường dịch vụ viễn thông Nhà nước quản lý, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích (có giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô			phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.	

		tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương) khi ngừng kinh doanh một phần hoặc toàn bộ các dịch vụ viễn thông.				
	1.013888	Ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với doanh nghiệp viễn thông không phải là doanh nghiệp viễn thông nắm giữ phương tiện thiết yếu, doanh nghiệp viễn thông có vị trí	Không quy định	Trung tâm	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.	

		thống lĩnh thị trường hoặc doanh nghiệp thuộc nhóm doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường đối với thị trường dịch vụ viễn thông Nhà nước quản lý, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích (có giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)) khi ngừng kinh				

		doanh một phần hoặc toàn bộ các dịch vụ viễn thông.				
	1.013912	Đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông.	03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ	Trung tâm	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP của Chính phủ ngày 29/4/2026 về việc Phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.	
	1.013897	Thông báo cung cấp dịch vụ viễn thông đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông cơ bản trên Internet, dịch vụ điện toán đám mây, dịch vụ thư điện tử, dịch vụ	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ.	Trung tâm	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/04/2026 của Chính phủ: Phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc	

		thư thoại, dịch vụ fax gia tăng giá trị.			phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.	
	1.013899	Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất).	8 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ	Trung tâm	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh. - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/04/2026 của Chính phủ ngày 29/04/2026 về việc Phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu,	20%

					miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.	
	1.013900	Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.	7,5 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ	Trung tâm	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh. - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/04/2026 của Chính phủ ngày 29/04/2026 về việc Phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.	50%

					- Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.	
	1.013901	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.	7,5 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ.	Trung tâm	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh. - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/04/2026 của Chính phủ ngày 29/04/2026 về việc Phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều	50%

					kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.	
	1.013902	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.	7,5 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ.	Trung tâm	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh. - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/04/2026 của Chính phủ ngày 29/04/2026 về việc Phân cấp,	50%

					cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.	
	1.013903	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung	7,5 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ.	Trung tâm	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ - Nghị quyết 66.16/2026/NQ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh	50%

		ương đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.			- Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/04/2026 của Chính phủ: Phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.	
	1.013904	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một	7,5 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ.	Trung tâm	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ - Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ cắt giảm, đơn giản hóa	50%

		tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.			thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/04/2026 của Chính phủ: Phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.	
	1.013905	Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn	7,5 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ.	Trung tâm	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ	50%

		thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.			- Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông. - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/04/2026 của Chính phủ ngày 29/04/2026 về việc Phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.	
	1.013906	Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất).	7,5 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ.	Trung tâm	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí	50%

					quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông. - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/04/2026 của Chính phủ ngày 29/04/2026 về việc Phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP của Chính phủ ngày 07/04/2026 về việc Cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh.	
	1.013907	Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một	7,5 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ.	Trung tâm	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ cắt giảm, đơn giản hóa	50%

		tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.			thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh. - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/04/2026 của Chính phủ: Phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.	
	1.013976	Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất).	7,5 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ.	Trung tâm	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.	50%

					- Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông. - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/04/2026 của Chính phủ ngày 29/04/2026 về việc Phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP của Chính phủ ngày 07/04/2026 về việc Cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh.	
	1.013908	Thu hồi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) và giấy	6 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ	Trung tâm	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ.	25%

		chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông.				
	1.013909	Thu hồi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.	6 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ	Trung tâm	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/04/2026 của Chính phủ ngày 29/04/2026 về việc Phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.	25%
	2.002847	Thủ tục đăng ký hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập	Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được danh sách do	Trung tâm	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 295/2025/NĐ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Viễn thông về hoạt động	

			doanh nghiệp gửi, Sở Khoa học và Công nghệ hoàn thành việc xác nhận đối tượng đủ điều kiện được hỗ trợ và có văn bản thông báo cho doanh nghiệp biết để doanh nghiệp thông báo cho đối tượng sử dụng		viễn thông công ích và cơ chế tài chính thực hiện hoạt động viễn thông công ích. - Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 295/2025/NĐ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Viễn thông về hoạt động viễn thông công ích và cơ chế tài chính thực hiện hoạt động viễn thông công ích.	
	1.013353	Báo cáo đăng ký chuyển giao New gTLD	9 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm	- Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023. - Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09/11/2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet, thông tin trên mạng. - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/04/2026 của Chính phủ phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.	18,2%
	1.013354	Báo cáo hoạt động Tổ chức quản lý tên miền dùng chung cấp	18 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm	- Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023. - Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09/11/2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet, thông tin trên mạng.	5,3%

		cao nhất mới (New gTLD)			- Nghị định số 116/2026/NĐ-CP ngày 02/4/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định có quy định thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/04/2026 của Chính phủ phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ	
	1.013355	Báo cáo hoạt động cung cấp dịch vụ Nhà đăng ký tên miền quốc tế tại Việt Nam	04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ báo cáo hợp lệ	Trung tâm	- Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023. - Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09/11/2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet, thông tin trên mạng. - Nghị định số 116/2026/NĐ-CP ngày 02/4/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định có quy định thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/04/2026 của Chính phủ phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ	20%
	1.013356	Đề nghị cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền quốc	9 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm	- Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023. - Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09/11/2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet, thông tin trên mạng.	18,2%

		gia Việt Nam ".vn"			- Nghị định số 116/2026/NĐ-CP ngày 02/4/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định có quy định thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/04/2026 của Chính phủ phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ	
	1.115134	Thu hồi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng trừ loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)	06 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông	Trung tâm	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.	25%
	1.013385	Ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với doanh nghiệp viễn thông không	Không quy định	Trung tâm	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa	

		phải là doanh nghiệp viễn thông nắm giữ phương tiện thiết yếu, doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường hoặc doanh nghiệp thuộc nhóm doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường đối với thị trường dịch vụ viễn thông Nhà nước quản lý, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích (trừ doanh nghiệp có giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng			thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.	

		cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)) khi ngừng kinh doanh một phần hoặc toàn bộ các				

		dịch vụ viễn thông				
	1.004962	Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với tranh chấp của các doanh nghiệp viễn thông trừ doanh nghiệp viễn thông thuộc phạm vi giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một	16 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.	Trung tâm	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.	

		tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và của doanh nghiệp viễn thông thuộc phạm vi giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)				
	1.013370	Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng trừ loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp	8 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ	Trung tâm	- Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.	20%

		trên mạng viễn thông cố định mặt đất)			- Nghị quyết số 66.16/2026/NQ- CP ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh. - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông	
	1.013379	Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng trừ loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)	8 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ	Trung tâm	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị quyết số 66.16/2026/NQ- CP ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ cắt giảm, đơn	33,3%

					giản hóa thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh. - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.	
	1.013376	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng đối với trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 và khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP trừ loại hình dịch vụ viễn thông cố định	8 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ.	Trung tâm	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.	20%

		mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP			- Nghị quyết số 66.16/2026/NQ- CP ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh. - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.	
	1.013375	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng trừ loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 36 Nghị định	8 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ	Trung tâm	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Nghị quyết số 66.16/2026/NQ- CP ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành	20%

		số 163/2024/ NĐ-CP			chính, quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh. - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.	
	1.013377	Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng trừ loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)	8 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ	Trung tâm	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh. - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ	20%

					- Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông	
	1.005444	Cấp giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng	- 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ. - 40 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ đối với trường hợp cần lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan.	Trung tâm	- Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.	14,1%
	1.005445	Gia hạn giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng	- 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ. - 40 ngày kể từ ngày kết thúc	Trung tâm	- Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc	14,1%

			thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ đối với trường hợp cần lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan.		phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.	
	1.003370	Sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng	- 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ. - 40 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ đối với trường hợp cần lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan.	Trung tâm	- Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.	14,1%
	1.003300	Cấp giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông	18 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính	Trung tâm	- Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.	18,2%

			hợp lệ của hồ sơ.		- Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.	
	1.003249	Gia hạn giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông	18 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ.	Trung tâm	- Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.	18,2%
	1.013381	Sửa đổi, bổ sung giấy phép	18 ngày làm việc kể từ ngày	Trung tâm	- Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023.	18,2%

		thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông	kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ.		- Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.	
	1.002655	Kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu có mức độ rủi ro cao đối với sản phẩm, hàng hóa thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin và viễn thông	- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: 01 ngày làm việc kể từ ngày hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. - Trường hợp hồ sơ đầy đủ nhưng không đáp ứng yêu cầu về nhãn: 06 ngày làm việc (bao gồm 05 ngày khắc phục và 01 ngày kể từ ngày hồ sơ đầy đủ và hợp lệ) - Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định: 08 ngày làm việc không tính thời	Trung tâm	- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 78/2025/QH15. - Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày23/01/2026 của Chính phủ - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	

			gian xin gia hạn (gồm 07 ngày bổ sung hồ sơ từ ngày tiếp nhận và 01 ngày kể từ ngày hồ sơ đầy đủ, hợp lệ). - Trường hợp tổ chức, cá nhân nhập khẩu không hoàn thiện đầy đủ hồ sơ trong thời hạn quy định: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi hết thời hạn bổ sung hồ sơ			
	2.001856	Công bố, công bố lại chất lượng dịch vụ viễn thông đối với các dịch vụ thuộc "Danh mục dịch vụ viễn thông bắt buộc quản lý chất lượng"	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ	Trung tâm	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ. - Thông tư số 08/2013/TT-BTTTT ngày 26 tháng 3 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông. - Thông tư số 33/2020/TT-BTTTT ngày 04 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông. - Thông tư số 21/2026/TT-BKHCN ngày 20 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.	

	1.004373	Đăng ký bản thoả thuận kết nối mẫu	08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký đầy đủ và hợp lệ	Trung tâm	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ. - Thông tư số 07/2015/TT-BTTTT ngày 24 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông. - Thông tư số 21/2026/TT-BKHCN ngày 20 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.	

	Mã thủ tục hành chính		**Thời hạn giải quyết**	**thực hiện**		**Ghi chú (*Tỷ lệ % cắt giảm thời gian giải quyết*)**
I	**LĨNH VỰC LAO ĐỘNG TIỀN LƯƠNG (5 TTHC)**					
1	2.001955	Đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp	4 ngày làm việc	Trung tâm	- Bộ luật Lao động năm 2019. - Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020. - Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025. - Nghị định số 129/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định.	43%
2	1.000414	Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp cho thuê lại lao động	5 ngày làm việc	Trung tâm	- Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ. - Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ.	
3	1.009466	Thành lập Hội đồng thương lượng tập thể	10 ngày làm việc	Trung tâm	- Bộ luật Lao động năm 2019. - Thông tư số 10/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 11 năm 2020 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về nội dung của hợp đồng lao động, Hội đồng	50%

					thương lượng tập thể và nghề, công việc có ảnh hưởng xấu tới chức năng sinh sản, nuôi con.	
4	1.009467	Thay đổi Chủ tịch Hội đồng thương lượng tập thể, đại diện Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, chức năng, nhiệm vụ, kế hoạch, thời gian hoạt động của Hội đồng thương lượng tập thể.	3,5 ngày làm việc	Trung tâm	- Bộ luật Lao động năm 2019. - Thông tư số 10/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 11 năm 2020 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về nội dung của hợp đồng lao động, Hội đồng thương lượng tập thể và nghề, công việc có ảnh hưởng xấu tới chức năng sinh sản, nuôi con.	50%
5	1.012091	Đề nghị việc sử dụng người chưa đủ 13 tuổi làm việc	4 ngày làm việc	Trung tâm	- Bộ luật Lao động năm 2019. - Thông tư số 09/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về lao động chưa thành niên	60%
II	**LĨNH VỰC QUẢN LÝ LAO ĐỘNG NGOÀI NƯỚC (04 TTHC)**					
6	1.000502	Nhận lại tiền ký quỹ của doanh nghiệp đưa người lao động đi đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề ở nước ngoài (hợp đồng dưới 90 ngày)	2,5 ngày làm việc	Trung tâm	- Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng năm 2020; - Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025. - Nghị định số 25/2025/NĐ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ. - Nghị định số 112/2021/NĐ-CP ngày 10/12/2021 của Chính phủ. - Nghị định số 128/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 - Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ.	50%
7	1.013730	Nhận lại tiền ký quỹ của doanh nghiệp đưa người lao động đi đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề ở nước	2,5 ngày làm việc	Trung tâm	- Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng năm 2020; - Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025.	50%

		ngoài (hợp đồng từ 90 ngày trở lên)			- Nghị định số 25/2025/NĐ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2025 - Nghị định số 112/2021/NĐ-CP ngày 10/12/. - Nghị định số 128/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025. - Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2026.	
8	2.002820	Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	4 ngày làm việc	Trung tâm	- Luật số 74/2025/QH15; - Nghị định số 338/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Việc làm về chính sách hỗ trợ tạo việc làm.	43%
9	1.015021	Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập	3 ngày làm việc	Trung tâm	- Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng ngày 13 tháng 11 năm 2020. - Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025. - Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ. - Nghị định số 25/2025/NĐ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ. - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ. - Nghị định 112/2021/NĐ-CP ngày 10/12/2021 của Chính phủ. - Thông tư số 21/2021/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. - Thông tư số 09/2026/TT-BNV ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.	
III	**LĨNH VỰC VIỆC LÀM (01 TTHC)**					
10	1.014754	Hỗ trợ người sử dụng lao động đào tạo, bồi dưỡng,	16 ngày làm việc	Trung tâm	- Căn cứ Luật An toàn, vệ sinh lao động ngày 25/6/2015.	43

		nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động			- Căn cứ Nghị định số 88/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ	
IV	**LĨNH VỰC AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG (01 TTHC)**					
11	2.000111	Hỗ trợ kinh phí huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho doanh nghiệp	6 ngày làm việc trong đó: + 4 ngày SNV + 2 ngày BHXH	Trung tâm	- Căn cứ Luật An toàn, vệ sinh lao động ngày 25/6/2015. - Căn cứ Nghị định số 88/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ	SNV: 73% BHXH: 60%